

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUÊ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút. Phan-chuông-Thứ  
Sư cụ chùa Bằng-Sở  
Phó chủ-bút : Dương-vân-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cai

GIA BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

## HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

Trả lời chung những câu hỏi của các vị đặt trước.

1) Đặt trước có biên-lai không ? — Xin trả lời rằng : ở gần thì có biên-lai biên nhận ngay ; còn ở xa xin lần lượt đăng tên và số tiền vào Đuốc-luật thay biên-lai.

2) Tập I đến cuối năm Tân-tỵ này sẽ gửi tới các vị đã đặt, còn tập II đến tháng 6 sang năm sẽ in xong và gửi tiếp, xin các Ngài nhớ cho rằng tiền cước gửi về phần các Ngài phải chịu.

3) Tiền đặt chỉ nhận đến hết tháng 7 năm ta này thôi

### Quý danh các vị đã đặt tiền :

M. Lê-văn-Tân	trả-vinh Mandat N° 035146-093	8\$00
— Phạm-văn-Nguy gia-định	— 035433-184	14.00
— Lý-đăng-Long Cầu-thơ	— 035293-193	14.00
— Lê-đăng-Lại Hưng-hóa	— 033971-04	9.00
— Nguyễn-văn-Ninh Ninh-bình	034226-012	8.00
— Lê-tú-Oanh Quảng-bình	— 034191-073	8.00
— Lê-tấn-Sử Tân-an	— 035421-186	14.00
— Phạm-văn-tới Gia định	— 035553-108	14.00
— Phùng-huy-Bích Bắc-ninh		3.00
— Nam-son Hanoi		7.00
— Phạm-duy-Hân Hanoi		8.00
— Phan-Đề Quảng-nam	034094-185	8.50
— Hùng-quang-Ngô Quảng-ngãi		14.00

# THUYẾT NHÂN-QUẢ CỦA PHẬT-GIÁO

Hôm nay tôi xin giảng về thuyết nhân-quả của Phật-giáo. Thuyết nhân-quả này đối với thế-gian rất quan-hệ. Đức Bản-sư Thích-ca xưa, bốn mươi chín năm nói ra ba tạng kinh điển, cũng chuyên chú vào lý-thuyết này, trải mấy nghìn năm nay, bấy chúng đệ-lữ cũng chỉ thân hành và truyền bá cái lý-thuyết nhân-quả này. Vậy còn có thế gian này thì cái lý-thuyết nhân-quả còn phải lưu truyền. Bài này xin chia làm bảy phần: A) Giải nghĩa chữ Nhân-quả. B) Hiện trạng Nhân-quả ở thế-gian. C) Tại làm sao thế-gian khó tin được lý nhân-quả. D) Lý nhân-quả của Phật-giáo. E) Không hiểu lý nhân-quả thì thế nào? F) Hiểu và tin theo lý nhân-quả thì thế nào. G) Tổng kết:

## A) Giải nghĩa hai chữ nhân quả

Nhân, là cái nguyên nhân phát sinh ra muôn sự muôn vật.

Quả, là hiện tượng của muôn tượng muôn vật đã kết thành. Ví dụ như nhân đào kết thành quả đào, nhân đậu kết thành quả đậu.

## B) Hiện trạng nhân quả của thế gian

Hiện trạng muôn sự muôn vật ở thế-gian, tức là phần hiện-tượng chúng ta có thể xét rõ ràng được. Những sự vật nào cũng phải có bốn điều kiện này :

1) Nhân duyên hòa hợp, nghĩa là sự vật nào hiện có ở thế-gian này đều phải có cái nọ hòa hợp với cái kia làm duyên để sinh ra sự vật ; chứ đơn độc thì không sinh được, và sự vật không phải tự nhiên mà có.

Như quả cam phải có hạt giống làm nhân, đất nước v.v. làm duyên, rồi mới sinh được quả cam. Lại như một người biết chữ là phải có đi học làm nhân, nghe lời thầy bảo là duyên rồi kết quả được tài biết chữ, chữ có phải tự nhiên mà có sự-vật đâu.

Vậy nay ta thấy quả cam, dù ta không thấy được hạt giống của nó trước, nhưng ta cũng phải tin nhận đích xác là phải có hạt giống làm nguyên nhân. Ta thấy một cậu học đi học, dù ta chưa thấy tài năng biết chữ của cậu ấy, nhưng ta cũng phải tin chắc chắn là cậu ấy sẽ kết quả được biết chữ. Lễ cảm ứng của nhân-quả như bóng theo hình, không sai chút nào. Ngày nay ta hành động nghiệp-nhân gì, sau hết quả sẽ về ta chịu; nay ta đương chịu quả sướng hay khổ, là bởi trước ta đã tạo nhân ấy.

2) Nhân với quả phải cùng loài, như là thân loài người thì chỉ sinh ra thân loài người, thân loài chim thì chỉ sinh ra thân loài chim, chứ không có thể sinh ra loài khác được. Nhân đào thì nở ra quả đào, chứ không có thể kết thành quả khác được.

3) Loại vật nào đã sinh ra cái khác thời lại phải bị cái khác sinh chứ không có thể tự nhiên mà có được, như cha sinh ra con, thời cha cũng bị người khác sinh.

4) Cái gì đã sinh thì phải diệt, đã thành thì phải hoại, chứ không thường-trụ mãi được. Như động-vật và thực-vật đã sinh thì phải chết; như sóng núi cũng có vỡ lở bồi lấp. Hễ cái gì không diệt mất thì cái ấy không có sinh.

Nếu trái với những điều kiện ấy, thì thế gian đều cho là vô-lý.

### C) Tại làm sao người đời khó tin

#### ĐƯỢC LÝ NHÂN QUẢ

1) Vì rằng cái hình tượng quả khác với nhân, người ta khó biết được, như là quả cam khác với hạt cam,

ông cử Giáp khác với cậu học trò Giáp khi còn đi học vỡ lòng.

2-) Lại từ nhân đến quả ph ần nhiều là phải trải qua một thời gian, hoặc nhanh hoặc chóng không có hạn. như là đánh diêm để cầu lấy lửa, đi học để cầu thành tài, giồng cây để cầu lấy quả, người tu lên cõi thiên-đường phải trải hàng bao nhiêu năm, hoặc là từ đời nọ đến kiếp kia. Mà cái thọ-mệnh của thân mình thì chỉ độ một trăm năm, trước khi sinh cũng chẳng biết, sau khi chết cũng chẳng biết.

3-) Vì nhân quả phần nhiều không đồng xứ, như là anh X ăn trộm ở tỉnh Nam, phải tội ở tỉnh Bắc, cậu Giáp học ở tỉnh Nam, làm Giáo-sư ở tỉnh Đông. Trong các tôn-giáo còn chép rằng, ông Văn-vương sinh lên trời, bà Mỗ là người phúc-đức nhân từ, khi chết được thăng thiên-đường, anh X bất hiếu bất nhân, khi chết phải đi địa-ngục.

4-) Lại vì rằng có nhân, nhưng phải gặp duyên thì mới phát sinh ra quả, như là một cây giồng trước mà ở chỗ đất không đủ nước thì còi kính chưa có quả, một cây giồng sau ở chỗ đủ nước thì được tươi tốt, mà kết quả trước. Vì thế mà có người làm phúc thấy phải tội, người làm ác lại thấy được phúc rồi sinh ra nghi ngờ. Kỳ thực thời phúc với tội đủ duyên của nó mới có thể phát hiện ra được, chờ không phải làm ác mà được phúc, làm thiện mà phải tội.

5-) Lại còn một lẽ nữa là người thế-gian không biết hoàn cảnh là bóng hư dối của tâm ảnh hiện ra, lầm tưởng rằng, muốn sự muốn vật là tâm mình ra có thực thể, rồi lần lần suy tìm cái nguyên nhân sơ thủy xem cái gì sinh ra. Cái sức suy tìm được đến cái gì là cùng tội thời cho là sơ-thủy sinh ra muốn sự muốn vật. Như là tưởng có một vị thần, sinh hết thấy ra muốn sự muốn vật, mà vị thần ấy tự nhiên có. Thế thì trái với cái lý đã sinh ra cái khác, tất phải bị cái khác nữa sinh

ra. Trái với cái lý nhân duyên hòa hợp, nghĩa là cái gì đơn độc thì không sinh được, phải có kết duyên với cái khác nữa thì mới sinh ra được sự vật. Trái với cái lý sinh ra loài khác, như là đất đá là vật vô-tri, không cùng loài với vị thần ấy, con chim con cá, con lợn, không cùng loài với vị thần ấy. Trái với cái lý đã sinh thời tất phải diệt mà cái linh tri-giác của giống hữu-tinh không có hình sắc gì thì không phải là cái diệt được, thời cái tri giác của hữu-tinh không bị cái gì sinh ra hay biến ra được.

Hay là suy tìm đến cái hư không là cùng tột, thì cho là hư không sinh ra muôn vật, như thế là trái với hiện trạng không có chấp nhiều cái hư không mà thành một vật gì, và linh tri-giác của giống hữu-tinh, không phải là vô-tri như hư-không.

6) Có nhiều người tưởng nhầm rằng cái tính tri-giác của mình cùng chết mất như cái sắc thân, sẽ không có cái gì trấp-tri nghiệp-nhân, và sau khi chết mất thì ai hưởng quả, mà không tin lý nhân quả. Nhưng cái linh tri-giác của ta không phải là vật có hình sắc, tựa như hư không, thì không có thể diệt mất được. Ta xét nghiệm, khi ta ngủ, sáu căn không giao thiệp với sáu trần, tựa như người chết vậy; nếu có chiêm bao, thì đến khi tỉnh dậy vẫn chứng nhận được là lúc bấy giờ tâm mê cảnh ấy là giả, hay là học một câu gì đã lâu ngày không nhớ đến, chợt đến khi gặp cái duyên gì lại nhớ ra được đúng từng câu từng chữ. Như thế đủ biết cái linh giác-tri của ta dù lìa bỏ sắc thân này cũng không mất được.

7) Lại có nhiều người tưởng rằng cái linh tri-giác của ta nó thường cứ tự nhiên an-bài nhất định như thế không thể chuyển biến được, cho nên không tin nhân quả. Nhưng ta xét người ta vẫn có thể chuyển cải được hiện-nghiệp: như người đương đạo ác đỗi ra nhân từ; đương nghiệp một thứ gì cũng chưa bỏ được; có người quá sân si lại tự sát được, người ngu học thành tài tri

được, thì đủ biết không phải là thường cứ an bài nhất định không chuyển biến.

Ấy vì bấy nhiêu lẽ mà có nhiều người không tin lý nhân quả.

#### D) Lý nhân quả Phật-giáo

Thế gian hàng ngày hành động, đều phải theo cái lý nhân quả. chứ không giây phút nào lìa khỏi cái lý nhân-quả ra được. Như người tu lên thiên-đường, người mưu việc hạnh phúc: nhân-gian, cho chỉ những việc cử chỉ hàng ngày, đều phải theo cái lý nhân-quả cả, đến như người bị lừa, còn biết dùng tay chân mà sờ dường đi để tránh khỏi sự ngug hiểm, hướng chỉ người có mắt, lại không nhìn nhận gì đến con đường, giây phút mình phải đi là con đường nhân quả, thì tránh sao cho khỏi hố thẳm vực sâu! có đáng sợ không! có đáng thương không! Vậy thì cái lý nhân-quả ấy thế nào?

Nguyên là chúng ta mê mất giác-tỉnh trong lạng sáng suốt, brio la khắp thấy, không có cảnh tượng gì đối đãi, vì ta mê làm cho giác tỉnh rung động, sóng thức nổi lên, giao ánh lẫn nhau, mà hiện ra có cảnh tượng, để đối với tỉnh giác. tỉnh giác từ đây cứ kết đôi với cảnh tượng ấy, làm duyên sinh ra mọi sự mọi vật, tỉnh giác đã bị kết với sắc, tức là biến mất nguyên linh, thành ra vọng-giác, tức là biết sai lầm; còn cảnh thời nguyên là hư huyền, vì bị kiên chấp thành ra có vọng-cảnh chướng ngại, như chai rượu chong vát, bị sức động ngẫu lấm bọt lên vẩy. Một bên là vọng-giác, một bên là vọng cảnh, kết đôi với nhau làm duyên mà sinh ra nghiệp quả, tức là căn thân và thể-giới. Căn tức là tinh vọng giác kia bị chia ra thành sáu cái biết khác nhau, mà kết cục vào chỗ tịnh sắc ở trong mắt mũi tai lưỡi thân lấm; mắt thì chỉ biết sắc mà không biết tiếng, tai thì chỉ biết tiếng mà không biết sắc, cho chí ý thì chỉ biết phân biệt mà không tự trông thấy được sắc. Ngoài thì có thể-giới là cái chỗ cho cái thân nó sở-y và thụ-dụng.

Cái tình giác đã bị sai lầm thì hành động tạo tác cũng sai lầm, tạo nhân tạo quả nhiều như trùm sung, chùm gai, không biết đâu mà kẻ ra được. Cái nghiệp quả này tan hoại đi, thì cái nghiệp-nhân nào có sức mạnh, có đủ duyên lại phát hiện ra để kế tiếp vào.

Nghiệp-nhân thiện thì nghiệp quả thiện, nghiệp nhân ác thì nghiệp quả ác, vì vậy mà có cái nghiệp quả làm thiện, làm người, làm quý v.v. cứ thế mà luân-hồi sinh-diệt mãi ở trong sáu ngã chịu lấy phiền não đời đời. Nhưng cái nghiệp phiền não ấy, đều bởi sự tập quán mà ra, như chúng ta nghiện một thứ gì là bởi chúng ta tập mãi, hun ướp mãi thành nghiệp, hễ có thụ dụng nó thì khoan khoái, không thì buồn bực, lúc nào cũng cứ phải quẩn quýt với nó, dù khoan khoái hay buồn bực cũng đều là cảnh hư hao làm nhiều loạn thân tâm, chứ bản tâm mình vốn không có cái nghiệp hư-hao ấy, vì mình mê lầm mà tạo tác ra đó, há có phải bởi sức thiêng liêng nào bắt buộc thưởng phạt ta đâu, ấy cái tình tri-giác bị nghiện sắc, thanh hương, vị, xúc, pháp, cũng như thế vậy.

Nay chúng ta đem tâm thân ba thức thọ mệnh trăm năm ra đời đại-mộng này, suy tầm chỉ thấy người sinh ra người, bỏ sinh ra bỏ, qua kia vốn đen, có kia vốn trắng, quả không ai vẽ mà tròn, gai không ai vót mà nhọn, loa không ai ruộm mà đỏ, rồi cho là tự nhiên hay cho là một cái gì khác ở ngoài tâm mình sinh ra thực. Thế thì có khác gì khi nằm mộng, thấy mình là người giàu sang hoặc là người nghèo hèn, cũng mừng cũng tủi, cũng cười cũng khóc, thấy vật chướng ngại đè ép, cũng bực bách, thấy tiếng vang cũng sợ hãi dật mình. Vậy thời mộng cảnh có phải là thực đâu mà cho là tự nhiên hay là cái gì ngoài tâm mình sinh ra mà đi tìm tòi. Chỉ bởi mình mê, kiên chấp mãi mà hư huyền dối tạo ra như thực đó thôi, cả đến cái tâm mình hao, sợ hao ở trong mộng, cũng không phải là cái tâm lúc tỉnh. Thế thì chỉ có một cách là gắng giương tỉnh



giấy một phen mới có thể thoát được những sự mùng sợ hãi huyễn kia.

Ấy lý do nhân quả của Phật giáo là tự biết muốn sự muốn vật đều là cái bóng hư huyễn của tâm ảnh hiện ra, nối tiếp nhau mà đối sinh đối diệt như sóng bề, như chiêm bao. Nếu mê lầm nhận cái vọng-giác ấy là chính giác, nhận cái vọng cảnh ấy là cái của ta thụ dụng thật, mà làm các việc thiện như bố-thí, tri-giới, nhẫn-nhục, tinh-tiến, thiền-định, thì thượng thiện sẽ kết quả được làm thân thiên thụ-dụng cảnh giới thù-thắng hơn loài người; bậc trung thiện sẽ kết quả làm thân người; bậc hạ thiện sẽ kết quả thân a-tu-la. Nếu làm nghiệp nhứt ác như bôn sển, diết hại, tà dâm, lừa dối, trộm cắp, ngu si, thì thượng ác sẽ kết quả địa ngục; chịu khổ vô lượng, không phút nào ngơi; trung ác thì sẽ kết quả làm ma quỷ; hạ ác thì kết quả làm súc sinh. Trong mỗi loài cũng còn chia ra nhiều bậc nữa; nhưng cũng vô thường biến đổi, nối tiếp nhau mà luân hồi trong tan giới gọi là phạm phu thế gian.

Nếu tỉnh ngộ không nhận cái vọng-giác mê trấp ấy là cái ta thực không cần hưởng thụ cảnh vô thường thế gian; mà tạo những nghiệp thượng thiện thì kết quả làm bốn bậc thánh, sẽ được thoát ly cuộc luân hồi sinh tử, mà hưởng cảnh vui thanh tịnh; rồi tiến tu mãi lên cảnh diệu-thường an-lạc.

Nếu duyên theo lý-tính chân như không nhiễm, không lịnh, không cưỡng không cầu, vẫn làm các việc thượng thiện, thì kết quả Phật, được tự tại thân-dụng, hưởng thụ cảnh sáng suốt chong lạng bao la hết thảy tùy cơ duyên ảnh hiện ra cảnh sắc gì cũng đều là vô-thượng tri-giác cả. Thế mới là đại tự-lại, đại giải-thoát, thế mới là chính-biến-tri, mới là diệu thường an-lạc.

E) Không hiểu lý nhân quả ấy thì thế nào ?

Không hiểu lý nhân quả ấy thì hành động sai lầm, kết quả không được như nguyện, như người đi đêm

không có đèn, chết đuối không gặp thuyền bè. quay cuồng xuân động, sống không mục đích chết không quy y; dĩ chí nổi chìm trong bể khổ mịt mù, bơ vơ trong khoảng rừng đêm khuya.

### F) Nếu hiểu lý nhân quả ấy thì ích lợi gì

Trái lại thời hiểu và tin theo lý nhân quả của Phật giáo, thì sống có mục đích, tu hành có phương pháp thẳng diệu, hy vọng rất chắc chắn; bao giờ cũng có tư cách tự lập tự cường, không mất địa vị chủ nhân, nghĩa là không làm tôi tớ cho vật dục không tham sống, không sợ chết, không lo mất lo còn, bao giờ cũng gắng gỏi lo toan cứu vớt đời khổ não một cách yèn nhiên vui vẻ.

### G) Tổng kết

Chúng ta phải tin ta và hết thầy chúng sinh đều có giác tính, thường còn không mất, không bị sinh bị diệt. Ta lại tin chắc chắn rằng những nghiệp nhân bởi thân miệng, và tâm ta đã hành động, thời sau này quả sẽ trả lại ta: những nghiệp quả ta đương chịu là bởi trước kia ta đã tạo nhân, chứ không phải là tự nhiên vô cớ ai thưởng phạt ta, mà ta không hề oán trách ai.

Chúng ta nay nhờ có nhân duyên thiện căn xưa, mà nay được đời ơn đức Phật-Tồ san định cho những phương pháp vi diệu về lý nhân quả, thực là những pháp môn vô thượng; chúng ta nên phụng-trì lấy như người vượt bể giữ cái phao, người đi đêm giữ đèn đuốc không phút nào giám sao nhãng.

Tôi mong rằng tất cả ai ai cũng hiểu cái lý nhân quả cho rõ ràng, tin theo cho triệt để, truyền bá cho rộng khắp, khiến cho cái thế gian mờ mịt phiến não này, chuyển thành cái thế-gian chính-giác an-lạc thì hạnh phúc cho thế-gian biết chừng nào!

**TÂM - ĂN**



# PHẬT LUẬT HỌC

(Tiếp theo số 156)

Lại dạy ra mười Phép, là mười chỗ khen ngợi: như một vị Tỷ-khiêu, mình đã được lòng tin liền đem dạy cho người và thấy ai như vậy thì vui vầy tán-thán, còn những giữ-giới, ít muốn, biết đủ hiểu tĩnh, học rộng, chăm chỉ, nhớ kỹ, được định và được trí tuệ, mình được lại bảo người và tán thán công-đức cũng đều như vậy.

Môn thứ chín dạy:

Trong môn Tri dạy ra chín phép, là chín nghĩa khác: nhâu cõi khác, mà sinh ra chạp cũng khác, nhân chạp khác mà sinh ra chịu cũng khác, nhân chịu khác mà sinh ra tưởng cũng khác, nhân tưởng khác mà ra góm hợp cũng khác, nhân gom hợp khác mà sinh ra lòng muốn cũng khác, nhân lòng muốn khác mà sinh ra mối lợi cũng khác, nhân mối lợi khác mà sinh ra cầu cạnh cũng khác, nhân cầu cạnh khác mà sinh ra mọi đường phiền-não cũng đều khác nhau cả.

Môn thứ mười dạy:

Trong môn Chứng dạy ra chín phép, là chín lần hết: nếu vào một phép định cõi sơ-thuyền thì bao nhiêu gai góc tiếng động quét sạch lần hết, định cõi nhị-thuyền hết gai giác-quan, định cõi tam-thuyền hết gai mừng giận, định cõi tứ-thuyền hết gai thờ hút, định cõi không-sứ hết gai tưởng cảnh sắc, định cõi thức-sứ hết gai tưởng ngoan-không, định cõi bất-dụng hết gai tưởng vọng-thức, định cõi hữu-vô-trưởng hết gai tưởng bất-dụng, vào đến phép định diệt-tận thì hết thầy chông gai tưởng thụ

đều giọn bẻ sạch nhẵn vậy

Như trên mấy đoạn Pháp-luật nhiệm-mẫu, là đều do một Tồ Sá-Lợi-Phất đã thay má Phật trong khi thị bệnh, trùng-lập tình những lời nhân ngài từng được nghe Phật dạy đôi lần, mà đem nói ôn lại đề cho mọi người cùng được lợi-lạc. Tiếc Pháp đó vira đoạn, thì biết cơ-duyên chúng-sinh đã lối kỹ khai-hóa, Phật liền lại đương-thân mà dạy thêm cho những phép Tăng-ích.

Những phép Tăng-ích này, các đầu-môn thì danh-từ cũng giống như năm môn; thứ nhất, nhì, ba, tư và thứ mười, của mười môn trong Tăng-thượng đã kê ra trước, song mỗi môn lại cũng biến ra 55 điều nữa, tổng cộng cả thầy 275 điều.

Đây chỉ xin lược bầy mấy điều làm chuẩn.

« Trong môn thứ nhất dạy ra ba phép; gần gũi bạn lành, tai nghe tiếng Pháp và mọi Pháp đều nên lời ».

« Trong môn thứ hai dạy ra một phép; hằng phải nghĩ cái thân này luôn ».

Trong môn thứ ba dạy ra hai phép; biết thứ là tên và thứ là sắc ».

Trong môn thứ tư dạy ra một phép; có tính ra đều ta ».

« Trong môn thứ năm dạy ra một phép; lòng giải-thoát không vướng ngại ».

Đã biết những Pháp-luật đó là tốt bậc cao sâu, vậy trong khi ta tu học được một pháp-môn nào, cốt phải thực hành cho lĩnh tế; muốn được tỉnh tế thì cần phải theo cách trách-Pháp, nghĩa là đem hội-thông cả các phép lại rồi suy-lẫm lựa chọn ra cho rành; xem những điều nào bởi mình làm trái, có thiệt hại sẽ bị sa ngã ác, điều nào làm phải, có lợi ích sẽ được sinh chốn lành, điều nào là hay, có công đức số

chứng đạo quả, rồi cứ chiều như vậy mà lần lượt theo làm.

Bởi thế nên sau đó lại phải lập ra ba tụ Pháp-luật để mà chỉ nhận. Tụ thứ nhất, dạy cho biết các điều xấu là cần nên đoạn; tụ thứ hai, bày cho tường các điều tốt là cần phải nên làm; tụ thứ ba, hiểu cho rõ các phép hay là chính nên tu. Nếu hay lĩnh thụ trọn được ba tụ này, thì tuy có vẫn ăn ở lẫn-lộn trong cõi dục-trần, nhưng cũng chỉ như một ông khách ở ngoài trần vậy.

Một hôm Phật ở tại nhà Tinh-sá trong vườn của ông Trưởng giả Cấp-cô độc thuộc nước Sá-vệ, cùng các đệ-tử thuyết Pháp bảo:

« Có ba tụ Pháp-luật chân-chính màu-nhiệm. Tụ thứ nhất, có một phép đến ngã ác, là mang lòng độc-hại không có nhân từ; tụ thứ hai, có một phép đưa đến chốn lạnh, là không đem lòng ác gia vào chúng sinh; tụ thứ ba, có một phép đưa đến Nạt-Bán, là hay xiêng-nặng tu môn niệm về thân. Lại nữa, tụ thứ nhất, có hai phép, là hủy Giới và phá ý kiến; tụ thứ hai, có hai phép; là trọn Giới và trọn ý-kiến; tụ thứ ba, có hai phép; là phép chỉ và phép quán. Lại nữa, tụ thứ nhất, có ba phép; là ba cấu tính chẳng lạnh vậy; tụ thứ hai, có ba phép, là ba căn tính lạnh vậy; tụ thứ ba, có ba phép; là ba phép tám-muội không, vô-tướng và vô-tác. Lại nữa, tụ thứ nhất, có bốn phép là bốn giọng nói chẳng lạnh; bởi mối yêu, tức, sợ và khờ; tụ thứ hai, có bốn phép; là bốn giọng nói lạnh; chẳng bởi yêu, tức, sợ và khờ; tụ thứ ba, có bốn phép, là bốn môn trường-niệm vậy. Lại nữa, tụ thứ nhất, có năm phép, là phá năm Giới vậy; tụ thứ hai, có năm phép; là giữ năm Giới vậy; tụ thứ ba, có năm phép; là năm cõi tu vậy. Lại nữa, tụ thứ nhất, có sáu phép; là sáu chỗ

không chịu kính trọng; Phật, Pháp, Tăng, Giới, định, và cha mẹ; tỳ thứ hai, có sáu phép; là sáu chỗ kia biết kính trọng vậy; tỳ thứ ba, có sáu phép là sáu phép tưởng niệm vậy. Lại nữa, tỳ thứ nhất có bảy phép, là ở thân ba ở miệng bốn nghiệp ác vậy, tỳ thứ hai, có bảy phép: là bảy chi-phận nghiệp lành vậy; tỳ thứ ba, có bảy phép: là bảy mối ý-biết vậy. Lại nữa, tỳ thứ nhất, có tám phép là tám hành vi tà vậy; tỳ thứ hai, có tám phép là hành-vi chính-định ở đời vậy; tỳ thứ ba, có tám phép: là tám con đường của Hiền thánh vậy. Lại nữa, tỳ thứ nhất, có chín phép: là chín sự não-hại vậy; tỳ thứ hai có chín phép: là chín sự do không não-hại vậy, tỳ thứ ba, có chín phép: là chín điều mừng rỡ vậy. Lại nữa, tỳ thứ nhất, có mười phép: là mười điều ác vậy, tỳ thứ hai, có mười phép, là mười điều lành vậy, tỳ thứ ba, có mười phép: là mười con đường ngay thẳng vậy. Mười thứ pháp môn vừa nói như vậy, nói theo điều được đến đạo Niết-bàn. Ta nay là một ngôi Như-lai vì những học trò là lũ các người, chỗ nào đáng gây dựng là gây dựng cho được viên-toàn, không có để cho một điều bị thiếu thốn, ấy cũng chỉ vì nghĩ thương đến lũ các người cho nên mới phải giảng diễn những phép này ra vậy; thế thì các người nên phải tự lo lấy thân, mà chịu khó tu tập chớ có lười biếng, nếu nay không gắng, sau có thế nào dù hối cũng vô ích.

Từ trước chỉ nay Phật đã dạy cho bao nhiêu phương-pháp tùy bệnh cho thuốc, tùy cơ đặt giáo, căn nào vào môn nào là sáu nông hết đủ: sẽ cứ nhân đó rồi liệu độ mà tu-tiến dần.

Song cái chỗ thi hành thì cần sao phải cho đích-sắc, môn

trạch-pháp kia vốn là đề cho mình nhận được chắc chắn cái chỗ thâm-thúy cao-minh của chính-pháp đó, vậy nhận được ra đến đâu thì noi theo đến đấy, mà hết thầy những điều vọng hoặc tà mê trái với đạo. Chính phải lục lõi tìm bõ. Và một điều : Giới-luật là cốt phải chiều theo cho đúng rồi thực hành, có thực-hành được rồi rạo thì nhiên-hậu mới đạt được đến nơi huyền-bí, mới biết pháp đó là rất hay, rất quý-báu. đáng tôn-trọng, đáng khâm-phục luyện mộ vô cùng, chứ không có phải chỉ nói suông ở cửa miệng rồi thôi, hoặc là lão thảo đứng ngoài đem tinh lượng mơ hồ mà nói quấy, hoặc lấy con mắt thật theo tìm thiền cận tử mờ, trông thấy một kẻ làm sai mà vội đánh à-uôm cả tôn-thống, hoặc bị thành si chận kín không rõ được những giáo-lý thấp cao, liền đem những phép nông hèn mà tỷ vào với phép màu của đạo Phật, khiến cho vàng Phật-nhật càng bị che mờ, mà chân-lý sáng suốt sẽ đến ít người được trông thấy nữa vậy.

Muốn phá tan cái màn ám chướng và tà-pháp khỏi luộm-suộm òm đồm với Chính-pháp được, thì phải nhận tiếp lấy cái chủ-ngiã vô-thượng minh-hành này.

Một hôm Phật ở trong một khu rừng tên gọi Y-sô thuộc nước Câu-lát-la cùng các đệ-tử thuyết-pháp, có lên A-ma-chú đến lễ-yết và hỏi Phật một nghĩa : lẽ nào thì được là « hành-vi minh-chính tuyền-với mà trọn đủ »? Phật dạy :

Như có một vị Phật ra đời, nhân dân nghe thấy sinh lòng tin mến, có người lìa chán sự-nghiệp gia-đình, cùng là những cảnh vợ con bỏ buộc, mà lánh cõi tục đi xuất-gia tu đạo, liền bỏ hết lối trang-điêm đề vàng giữ mọi điều Giới-hạnh, nào là không sát-sinh, không trộm-cắp, không dâm dục, không nói giới, nói đời giọng, nói thô ác, nói phù phiếm, không uống rượu, bỏ tinh buồng lòng, không đeo hoa hột vòng cánh các đồ ngấm vuốt thơm tho, không làm những trò về hát múa dẫu

có cũng chẳng đến xem nghe, không ngồi thừ giởng phàn cao rộng to lớn lột đẹp, không ăn lúc trái thời phạn, không cầm giữ tiền nong cùng là những thứ vàng bạc châu báu, tuy có cũng chẳng tự tay mó nhặt và tự tay tiêu dùng, không lấy vợ cả vợ bé chỉ hết, không nuôi thuê kẻ ở con đòi hầu hạ, và nuôi những giống trâu, ngựa, lợn, dê, mèo, cày gà, chó, lừa, voi, hết thầy loài súc, cùng sự chủ-trương lập nghiệp sinh nhai như làm ruộng giồng vườn, ham chuốc nhà cửa lầu gác chả hạn; không có làm cách man-trá cân nhẹ đầu nhỏ đề lừa người, không hay ngỗ ngược như một kẻ hung cực dùng nắm tay mà đấm đánh giáng co nhau kia, không vay dặt công nợ như lối thế-tục, không nói vu-hoặc cho ai, không giả rạng ra cách đã bỏ được mọi điều ác hại chẳng lành. Cả những sự hành động cử chỉ cùng thầy đều là có điều độ, thí dụ như lúc đi cũng liệu thời, có đáng đi mới đi, nếu không, không đi, ăn thì lượng bụng ăn đủ thì thôi chứ không chừa góp đề dành, mặc thì đo thân may áo soàng sinh qua loa một thứ vải gì quý hồ che được thân thể, áo pháp bát-ăn thường mang kèm luôn bên mình như hai cánh của con chim vậy.

Như thấy có một thứ thầy-tu xuất-gia của ngoại-đạo hoặc là giòng Phạm-chí, đã đem thân thụ dụng đồ tín thí của người ta, mà lại còn tham cầu chừa góp những thứ ăn uống sống áo kín kín không biết vừa chán; hạng đạo giáo ấy như thế chứ tu vào giáo-pháp của ta thì không có như vậy.

(còn nữa)



## Phật-học với sự thực-tế

Hiếu Đạo - Phật không phải là ở sự hiểu cả những vấn đề phức tạp hay ở sự sắp đặt khoa-học. Xa hơn nữa.

Ngay Phật, không bao giờ ngài sai tạc tượng ngài cả. Nếu tôi nói về nền mỹ-thuật nhà Phật, hoặc là tượng Phật hoặc là tranh ảnh, vì tôi muốn nói là nền mỹ-thuật này chỉ là một sự thu thập mọi vẻ của Phật, hay là một cái sáng-kiến của các Phật-tử nghĩ ra để tô điểm cho Phật. Ngay trong nền mỹ-thuật này cũng thấy cả một sự đổi khác của các cách hiểu và của mọi tư tưởng. Có người tin rằng ta không thể diễn tả Đạo-Phật bằng nền mỹ-thuật của nó được, nhưng một lý thuyết như vậy chỉ có thể do ở những kẻ nào cho rằng Phật là "một cái bản thể xa thực tế và trên hẳn xã-hội" mà ra. Trước một pho tượng của một thời đại nào, ta đã cảm thấy một vài tư tưởng sinh ra bởi nền mỹ-thuật ở thời ấy, hoặc ở nét mặt, hoặc ở toàn thân pho tượng yên lặng ấy. Nếu ta muốn biết về thời Nara (710-784) người ta hiểu Đạo-Phật ra sao, thì ta chỉ việc sét những pho tượng về thời ấy ở trong các ngôi chùa cổ. Những tranh ảnh về thời ấy diễn tả đủ cả tinh thần của thời ấy rõ-ràng, vui-vẻ, hoạt-động, đem cả một lý-tưởng nhưng vẫn giữ được vẻ thực tế. Nếu ta có thể góp nhặt được đủ cả mọi vật cồng tích trong nền mỹ-thuật nhà Phật, của mỗi xứ, của mỗi thời, thì ta có thể hiểu được tất cả các «màu» của Đạo Phật đủ cả trong mọi vẻ. Về vấn đề này, tôi không nói riêng về phương diện mỹ-thuật; thơ-phú, văn-chương, ngay cả tuồng kịch cũng là những sự hiểu hiện của Đạo-Phật của từng thời đại. Nếu những tác phẩm này không phải là những món đồ hiệu Đạo Phật, thì cũng là những cái tiêu biểu của nó. Đã là tiêu biểu, những món này đều thích hợp với cả mọi người. Những kinh điển thường rất phiền phức bắt ta phải có nhiều sự suy sét hơn là tinh cảm. Nhưng tinh cảm có khi được thực tế hơn tinh thần. Thật ra, muốn hiểu Đạo-Phật, thì ta cũng cần cả tinh cảm lẫn tinh thần,

Chúng ta đã bày tỏ được sự thể để hiểu Đạo-Phật về phương diện mỹ-thuật rồi. Ta nên biết rằng Đạo-Phật không phải là một cái đối-tượng cho ta hiểu ngay được vì nó là một cái kiểu lý-tượng của nền triết-học loài người. Vậy thì, muốn hiểu Đạo-Phật ta phải sưu-tầm các kinh điển các tác phẩm mỹ-thuật và cả sự sinh-hoạt thường của tín-đồ. Hơn nữa, ta cũng cần phải có một vật môi-giới để Đạo-Phật có thể thấm vào trong trí ta được. Vì vậy ta cần phải biết những phong-tục của Đạo-Phật đã chế ra, như nghi-tiết, khánh-dân và y phục, vân vân. Có tất người ta đem thả những giống vật cho chúng được tự do, như vậy ta có thể hiểu được cái triết-lý của thời đại ấy, và tinh thần của dân gian. Lại có tất gọi là ngày vía đức Phật này hay khánh-dân đức Bồ-tát kia, những lễ này mục đích là cốt để tín-đồ tỏ lòng tin và kính cần. Lại có tất mà tất cả mọi người không phân biệt giai cấp, ai ai cũng được giữ một bữa tiệc, chính đó là một ý nghĩa của cái tinh thần rộng-rãi của Đạo-Phật. Nếu trong chùa có ông thiện, bà hộ thì chính vì nhà chùa thì hành một lễ tiết kiệm. Nếu ngày nay, chư tăng sẵn sóc đến sự lễ bái, ma chay, thì ta nên hiểu rằng đó chỉ là sự cầu nguyện cho người chết do những tình tình nhà Phật mà thôi.

Nếu ta muốn biết, trong một thời kỳ nào, mà một dân-tộc nào đối với hay hiểu Đạo-Phật như thế nào, thì ta cần phải biết phong-tục của dân tộc ấy trong thời-kỳ ấy.

Nếu ta tóm tắt lại những điều quan sát của ta về sự hiểu Đạo-Phật, thì những lý-thuyết mà tôi vừa nói ở trên có thể gọi được là: «Những phương-pháp nghiên cứu Đạo Phật về phương diện của cái lịch sử nơi thờ Phật», nghĩa là dùng cái phương pháp mà ta hướng đích những sự nghiên cứu của ta vào những chứng cứ vật-chất hay là những sự-tích sắp đặt một cách hữu cơ. Song 1e, ta còn một phương pháp nữa mà người ta đã dùng từ lâu, nghiên cứu Đạo-Phật về phương-diện tôn chỉ hay là lịch-sử của tôn-phái. Cái phương-pháp này thần-bý lắm, vì nó không dựa theo vào những sự-tích

lịch sử hay vào cái phương pháp hữu-cơ. Sự sắp đặt thành Đại-thừa và Tiểu-thừa, như tôi đã nói, là bị thi hành một cách độc-đoán bởi những người trong Đại-thừa. Sự giải nghĩa chữ Đại-thừa, không căn cứ vào lịch-sử, chỉ là một cái lý-giải độc-đoán. Ta gọi một thái độ như vậy là « Kyohan » Kyohan là một cách sắp đặt theo sự thần bí và nó cho tông phái của nó là tốt bậc, là cái cột trụ của tôn phái khác. Phương-pháp này tự lâu đã chiếm một địa vị tối cao trong thế giới phật-lữ và đã che một cái màn trên những sự tích thực-tế của lịch sử. Cứ theo như một nhà đại-sư Trung Quốc (ngài Tri-giã) thì đời của Phật chia làm năm thời kỳ. Thời kỳ thứ nhất Phật nói kinh Hoa-Nghiêm Nhưng Phật không thấy có kết quả mỹ mãn, các bậc tiểu-thừa ngồi nghe, phur đui như điếc, không hiểu là Phật nói gì, nên ngài nói đến kinh A-Hàm; thời kỳ này là thời kỳ A-Hàm, mục đích để điu dắt các bậc tiểu thừa. Thời kỳ thứ ba là thời kỳ phương-dăng, tức là thời kỳ khuyến khích các bậc tiểu-thừa hâm-mộ giáo-pháp Đại-thừa, đến thời kỳ Bát-nhã Phật tìm phương-tiện để gạt lọc cho sạch những cái căn cơ hẹp hòi của Tiểu-thừa. Sau Phật nói kinh Pháp Hoa và Niết Bàn, tức là thời kỳ kết luận, Phật rèn tập cho chúng sinh có đủ căn cơ để chứng giác-đạo. Trong khoảng một thế-kỷ, năm bộ kinh này lập thành mỗi bộ một tôn khác nhau. Mặc dầu cái sáng-kiến này của Đại-sư lâu, cái lăng bặc này không có một cái cốt cách nào cả. Tôi không dám bình phẩm gì những tôn-phái cả, vì, dầu sao, Đạo-phật chỉ có một, và dù tôn phái nhiều đến đâu nữa, cũng không bao giờ chúng đi ra ngoài cái tôn chỉ của một đấng chính giác. Còn sự có các tôn phái, có lẽ cũng cần cho sự tiến bộ của Đạo-Phật. Về phần tôi, tôi sẽ tránh xa mọi điều sét đoán tào bạo về tôn phái, tôi sẽ cố, căn cứ vào các bản kinh theo đúng sự tích lịch sử mà giải bày những điều khác nhau về tôn chỉ trong các tôn phái, và đặt mỗi điều vào địa vị xứng đáng.

Phương-pháp để hiểu Đạo-Phật còn nhiều! Nhưng, điều quan trọng là phải để Đạo-Phật tiếp xúc với những vấn đề triết học, giáo dục, tôn giáo, pháp-luật và xã-hội. Hơn

nữa ta cũng cần tham khảo Đạo-Phật cả trên nền trí-thức, khoa học lẫn trong đời thực tế và trong sự thi nghiệm của sự sống

### Những căn cứ để hiểu Đạo-Phật

Thường người ta khảo cứu xã-hội loài người, đều đi từ sự phân biệt hai giống, rồi theo cái trình độ học thức của từng hạng. Nghiên-cứu Đạo-Phật cũng vậy, muốn được dễ dàng ta phải lập cái bảng căn cứ. Thí dụ, trước nhất ta phải học theo ba điều gọi là «tam vô lậu học» là ba điều mà Phật-tử không thể bỏ sót được: «giới» «định» và «tuệ» Học giới tức là học luật; học «định» tức là học kinh; học «tuệ» tức là học luận. Kinh, luật, luận, là ba tạng kinh điển của Đạo-Phật. Nếu sét một trong ba điều thì ta không thể hoàng dương được giáo-lý! Song ta lại có thể học theo bốn điều gọi là «tứ đế» được khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo-đế. Khổ-đế, tức là sống thì phải chịu khổ, đau ốm, già, chết; Tập đế tức là nhà kết thành sự khổ; Giết đế tức là làm tiêu diệt mọi nỗi khổ; và Đạo đế tức là phương pháp trừ khử nỗi khổ. Tóm lại, toàn cõi Phật-Học có mấy cái đặc-lĩnh ấy mà Phật-tử ai ai cũng phải biết cả. Có người lại theo phép lục-độ, phép bát-đạo mà học. Đại khái phép nào cũng đều cốt để hiểu cả.

Chúng ta nghiên cứu Đạo-Phật phải bắt đầu từ thuyết ba ngôi. Trong Đạo-Phật thuyết ba ngôi này gọi là Tam-bảo Phật Pháp, Tăng (Bouddha, Dharma và Samgha). Pháp là giáo lý của Phật, và Tăng là bọn đệ-tử của Phật đem tuyên truyền cái giáo lý của ngài. Nói một cách khác thì tức là đời Phật, vị giáo chủ, những tư tưởng mà các đệ tử học, và chùa chiền. Nếu ta nghiên cứu theo ba nguyên tắc này của Tam-bảo và đem phân khảo ba nguyên tắc ấy, ta sẽ thấy được cái nghĩa đại-khải của Đạo-Phật. Như ở Phật, ta sẽ hiểu được Đạo-Phật mà nó trực tiếp tả diễn trong đời tư của ngài; Như ở Pháp ta sẽ hiểu được mọi giáo-pháp và như ở tăng ta sẽ thấy những lý-lưỡng mà Phật phổ-bầy trong những sự-tích lịch sử của chùa chiền. Ở Âu Châu, như ngài Oldenberg hay những ngài khác đã thi hành thuyết này. Song điều mà tôi muốn đây là sự thi hành từ thuyết này cho đến cái

lịch sử của chùa chiền và nhất là đến cái lịch sử xã-hội vì tôi không muốn ngừng ngay ở sự nghiên cứu những thuyết trừu tượng của ba nguyên tắc này. Hơn nữa, tôi lại mong, nếu có thể được, không những ta chỉ nghiên cứu Đạo Phật ở thời cổ như các nhà học giả thái tây, mà tôi còn mong ta khảo sát suốt cả mọi xứ trên hoàn cầu mà đâu Đạo-Phật đã để vết tích lại.

Tôi cần phải bàn thêm về ngôi Tam bảo ít lời nữa. Chữ tam đây không phải là con số, mà nó là ba vật báu. Khi mà ta thành phật-tử hay lúc ta mới đi tu, ba vật này thường dùng luôn trong các ngày lễ. Những kẻ mới tin đạo phải công nhận nó như vậy khi mà họ quy-y ở ba ngôi báu này. Quy y Phật quy y Pháp và quy y Tăng (Buddham Saranam Gacchimi, Dhammam saranam gacchimi, Samgham, saranam gacchimi) là ba điều quy của kẻ tin coi như họ đã bỏ hết cái tâm-thành. Phép quy y này còn đang thực hành ở những xứ Nepal, Ceylan Birmanie, Siam, Tibet, Trung Quốc Nhật-Bản và suốt cả những xứ mà Đạo-Phật đang tươi tốt. Ở Nhật-Bản biểu hiệu tôn giáo rất được trọng vọng. Đạo Phật còn là một tôn giáo thi điều này còn là một trong những điều cốt yếu nhất. Cốt nhiên là tùy từng xứ từng thung thồ, mỗi nơi lại có một quan niệm riêng đối với ba vật báu này. Ở Ceylan, Phật tức là Phật mà ta thấy trong lịch-sử, còn ở Nhật, ở Tàu, ở Tây-Bắc Ấn-Độ Phật không phải là ngài CaKya mà là nhiều Phật, lấy ở số nhiều, người ta tin rằng có vô-lượng chư Phật. Hơn nữa trong các xứ này thuộc về Đạo-Phật Phương-Bắc, người ta lại thêm vào vô-lượng Bồ-Tát. Còn như Pháp (Dharma) thì quan niệm của Ceylan khác hẳn với quan niệm của Népat ở Tibet và ở Nhật-Bản cũng có một sự khác nhau rõ rệt.

(còn nữa)



## Phật hóa nhân gian

(Tiếp theo số 156)

### Phật thuyết pháp cho vua cha nghe.

Phật xem biết rằng vua cha Tịnh-Phạn, căn duyên đã thuần-thục, có thể lĩnh-ngộ được đạo-lý, nên ngài giảng cho vua cha nghe rằng: «Hết thấy các pháp của Như-lai diễn dạy, nghĩa-lý sâu-rộng, đạo vị nhiệm-mầu, tịch-thần một sắc, không có sen lã chút gì, thanh tịnh một màu không có dây-dóm một chút, nào, vì bởi sáu cõi: 1) đất; 2) nước; 3) lửa; 4) gió; 5) không; 6) thức; xúc động vào sáu căn: 1) tai; 2) mắt; 3) mũi; 4) lưỡi; 5) thân; 6) ý, mà sinh ra nhiều sự mê-làm, nên coi tâm của chúng sinh, hề nhiễm theo cảnh thuận thì sinh ra ưa-muốn, nhiễm theo cái cảnh nghịch thì sinh ra hờn-dận, còn nhễm theo cảnh bình thường thì sinh ra mê-mạn không lĩnh-ngộ.

Do mấy cái tâm duyên-cảnh sinh-sự đó mà phát khởi ra bao nhiêu những sự sai-làm, rồi do những sự sai-làm ấy mà gây ra bao nghiệp, trông thấy sắc đẹp, trong lòng ưa-muốn, nên thành ra cái nghiệp tham, thấy cảnh sắc nào gồm mắt trái lòng, thì khởi ra tâm sự bất bình nên thành ra cái nghiệp sân, còn gặp cảnh sắc nào bình thường không ưa-thích lắm và cũng không trái-nghịch quá, thì cái tâm u-u minh-minh, thành ra nghiệp vô-minh.

Tâm đã nhiễm theo ba cảnh đó, thì sinh ra ba nghiệp 1) tham; 2) sân; 3) si, rồi do ba nghiệp đó phải đọa vào trong bốn ngã (ác đạo) 1) A-tu-la; 2) súc-sinh; 3) ngã-quỷ; 4) địa-ngục, soay-vừa trong vòng sinh-tử không bao giờ thoát ra được.

Đại-vương! phàm đã tạo ra nghiệp, tất nhiên phải chịu quả báo, không bao giờ sai, dầu cho trù qua trăm ngàn muôn kiếp đi nữa, mà không tu-hành, thì các nghiệp xấu của mình đã tạo từ trước kia, cũng không làm sao tiêu mất đi được. Các lẽ Như-lai nói đó, dù rõ theo phép tục-đế, thì có tạo-tội tất phải khổ; mà theo phép

chân-đế, thì không có chi là tạo tội, không có chi là chịu khổ. Đại-vương! hết thảy các phép đều là rỗng lẽng, hiểu được phép đó tức là chừng được chôn không giải thoát. Nếu đã hiểu các phép là không ma cái tướng không cũng không có, tức là chừng được vô-tướng giải-thoát. Nếu đã hiểu đến chỗ vô-tướng, không tạo nghiệp gì không ưa-muốn gì nữa, tức là chừng được chôn vô-nguyện giải thoát.

Hết thảy các pháp đều có đủ ba môn giải-thoát mà ba môn ấy là con đường Niết-bàn. Nếu không tham nhiệm các sắc-tướng, rút bỏ sự nguyện-cầu, tức thì chừng được cảnh giới Niết-bàn.

Phật diễn thuyết đến đó, thì vua Tịnh-Phạn và các vị đại thần đều chừng được đạo-quả.

#### Phật hàng phục bảy con voi dữ

Phật có người em con nhà chú, tên là Đề-bà-đạt-đa. Khi Phật còn làm Thái-tử ở hoàng-cung, ông thấy ngài có tài-năng, thì đã sinh lòng ghen-ghét rồi, sau thấy ngài đã thành Phật pháp lực cao-sâu, thần-thông quảng-đại, giáo hóa ai cũng đều đắc đạo cả, thì ông lại sinh lòng ước-ao, làm sao cho ông cũng được như vậy, vì thế nên ông mới quyết chí theo học.

Khi ông học biết được các phép, ông liền sinh lòng kiêu-căng và tham sự lợi-duỡng. Phật thấy thế mới quở trách ông. nên từ đó ông đem lòng bất bình, mà đến mưu cùng vua A-Xà-Thế, kiếm kế làm hại Phật. Vua bèn hạ chiếu cấm trong nước không ai được sùng-phụng Phật và cúng-cơm bánh chi cả. Vì vậy nên đồ-đệ của Phật, phải đến xứ khác mà xin ăn chỉ còn Phật và số ít Tỷ-khiêu ở tại núi Kỳ-xá-quật mà thôi.

Ông Đề-bà-đạt-đa biết rõ số đệ tử của Phật còn ít, liền đến tâu với vua A-xà-Thế rằng: «Nếu Bệ-hạ muốn hại Phật, thì ngày mai Bệ-hạ ngự-giá, giả danh tới thỉnh Phật vào thành cúng-dâng. Trước khi Phật đến thì xin Bệ-hạ sai bọn quân tượng, cho các con voi uống

rượu thật say, rồi chờ cho thầy trò Phật đến nơi, thả voi ra cho nó đập chết hết tất cả. Được như vậy thì lời sẽ làm Phật-mới mà giáo hóa cho nhân-gian.

Vua A-xà Thế nghe lời ông Đê-bà-đạt-đa, liền đi thỉnh Phật, ngờ đâu Phật đã biết trước cái mưu độc đó, nhưng ngài cũng nhận lời thỉnh. Bữa sau, đúng giờ Ngọ, đương khi Phật và môn-đệ mới vào thành, thì thấy một đàn voi độc chạy ra, con nào con ấy cũng dữ-lyn. Vừa rống vừa chạy lồng, xông đập tường vách nhà cửa đều siên-đổ, và gáp ai thì tung chết người ấy, làm cho nhân-dân trong thành, đều sợ hết vía. Các vị La-hán thì, Phật thấy vậy, liền hóa phép thần thông mà bay lên hư-không, còn ông A-nan thì đứng kề bên Phật.

Các con voi chạy tới, châu đầu muốn hại Phật, Phật giờ nắm ngón tay chỉ vào chúng nó, tức thì hóa ra năm, con sư-ử cùng rống lên, vang cả trời đất, mấy con-soi nghe liếng thút kinh, bèn quỳ sát xuống đất, chẳng dám ngược đầu ngó lên, mà coi bộ rất buồn rầu, dường như ăn-năn, biết tội lỗi của mình rồi, muốn cầu Phật dung-thứ cho, mà không thể nói ra được, chỉ tỏ-bày cái dấu bi-ai mà thôi. Phật dẹp xong lời voi dữ, bèn cùng các đệ-tử thoáng-thả vào cung thụ-trai, rồi chủ nguyện cho nhà tin-chủ. Vua A-xà-Thế bèn quỳ xuống đĩnh lễ và thú-thật với Phật rằng: «Bạch đức thế tôn! Vì tội tình chất vô-minh, nghe lời dèm-nịnh, làm điều độc ác toan muốn hại ngài, xin ngài mở lượng từ-bi mà tha-thứ cho tôi.»

Phật bèn dạy rằng : « Tất cả những hạng người trong thế-giạ. đều do tâm sự này mà gây ra nhiều điều ác nghiệp : 1. Tham những sự lợi mình 利 ; 2. Lo những sự xuy kém 衰 ; 3. Chê bai ở sau lưng người 毀 ; 4. Khen ngợi sau lưng người 譽 ; 5) Khen ngợi trước mặt người 稱 ; 6) Chê-bai trước mặt người 譏 ; 7) Các sự khổ bức-bách 苦 ; 8) Các sự vui-sướng mình 樂.

Từ xưa đến nay, ai ai cũng bị tâm sự ấy nó làm



trời-nổi trong bề sinh tử luân-hồi.

Vua A-xà-Thế và các quan nghe Phật giảng mấy điều trên đó rồi, thì đều mở-mang tâm-trí mà trừ bớt hoặc-nghiệp.

(còn nữa)

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÔNG ĐỨC CÙNG  
TIỀN LÀM CHÙA HỘI QUÁN  
TRUNG - ƯƠNG

Mme. Hanh, Nam-dịnh	0 \$ 50
M. Cả Chi, Nam-dịnh	0 . 50
M. Hanh-chấn. Nnm-dịnh	0 . 50
M. Trường-Mỹ Nam-dịnh	. 00
M. Vĩnh Mậu, Nam-dịnh	1 . 00
M. Vũ viết Hòa Hàm-Ấn Hương lão hội viên tu trì	1 . 00
M. Vũ văn Tư Hàm-ấn chính đội trưởng	1 . 00
M. Kiều thúc Mậu, Hiệu an Thái Phổ qui Hậu chủ hiệu	1 . 00
M. Nguyễn văn Nguyên, Hòa Lạc Lý trưởng cựu	2 . 00
M. Trần văn Phụng, Lưu quang Tộc biểu	1 . 00
M. Trần văn Địch, Hương đạo chánh tổng	1 . 00
Mme. Trần thị Dục, Đông Đắc mục hóa	1 . 00
M. Vũ viết Bài, Tài chính cựu lý trưởng	1 . 00
M. Đoàn thế Tắc, Hiệu Phú nguyên Phổ Trì chính chủ hiệu	1 . 00
M. Vũ xuân Đào, Phổ trì chính Cử nhân tây	1 . 00
M. Nguyễn hữu Liệu, phố Phú vinh chủ hiệu	1 . 00
M. Tạ duy Hạ, phố Thượng kiệm chủ hiệu	1 . 00
M. Đặng công Xích, phố Thượng kiệm chủ hiệu	1 . 00
M. Bùi văn Điện, thủ trung cựu lý trưởng	1 . 00
M. Đào mỹ Tư, Phủ vinh giáo học	1 . 00
M. Trần hưng Thi, Lưu Phương Phủ hội viên	1 . 00
M. Trần kim Bằng, Tự-tân Cựu chánh hội	1 . 00
M. Phạm Hiền Tự-tân Hương lão	1 . 00
M. Phùng văn Kính, Phố Phú vinh hiệu Bảo long	1 . 00
M. Đàm sỹ Đình, phố Phú vinh chủ hiệu	1 . 00

Mme Vũ thị Mưu, Hàm Ân vợ cố chánh hội	1.00
M Nguyễn đức Nghệ, Ứng Luật Chương hạ cứu phàm	1.00
M. Trần văn Lạc, Hương đạo Cựu lý trưởng	1.00
Mme Vũ thị Lự, Hương đạo Mộ hóa	1.00
M. Hoàng hữu Hiệt, Đông Đắc cựu phó lý	1.00
M. Trần văn Tuất, Thủ trung cựu lý trưởng	1.00
M. Nguyễn hữu Quý, Phố Kiến Thái nguyên Phó quản	1.00
M. Trần Găng, Đông đắc	1.00
M. Phạm văn Hậu, Phủ vinh cựu lý trưởng	1.00
M. Đào xuân Lai, Phố Thượng kiếm hiệu Tự hưng	1.00
M Nam tên Phương, Tri chích chủ hiệu	1.00
M Nam trắng Tho, Tri chính cựu thủ quỹ	1.00
M Trần quang Kiệt, Hương đạo cựu đại lý	1.00
M. Trần Linh, Phủ rung cựu lý trưởng cứu phàm	1.00
M. Trương ngọc Minh, chánh đại-lý chi hội Yên-lại	10.00
Nguyễn thái Khang, Phó đại-lý chi hội Yên-lại	1.00
Nguyễn văn Chân, Thủ quỹ chi hội	
	Kênh động (Thanh-liêm) 1.00
Đỗ đình Truy,	Yên-lại (Thanh-liêm) 1.00
Nguyễn quang Phục,	—id— 0.50
Mme Trương thị Lý,	—id— 1.00
Trương thị Khảo	—id— 0.60
M Nguyễn đình Gián, Mai cầu(Thanh liêm)	0.50
Trương văn Nhạ, Yên lại Thanh-liêm	0.50
Bùi gia Viễn	—id— 0.50
Đặng văn Viễn,	—id— 0.50
Nguyễn đình Chân, Kênh-dộng (Thanh-liêm)	0.30
Nguyễn đình Ngung	—id— 0.30
Bùi trọng Liên Yên-lại (Thanh-liêm)	0.50
Thiện tín thập-phương	5.85
Mme. Đào thị Lưu, Yên-lại(Thanh-liêm)	0.30
Lê thị Liên	0.30
Lê thị Nghĩa	0.30
Nguyễn thị Vượng	0.20
M. Hoàng quốc Tấn, Étudiant en Droit Montpéelien	100.00

(còn nữa)

## *Giới thiệu cùng các sư Tăng-ny*

Nhà chùa dùng dầu lạc làm món ăn hàng ngày, nếu dùng phải dầu lạc xấu hoặc dầu lạc pha lẫn dầu dừa thì rất có hại cho cơ thể và khan tiếng khan giọng, vì dầu lạc xấu và dầu dừa chỉ hay dùng nấu xà phòng.

Dầu lạc tốt dùng thắp đèn, ngọn sáng trong và thơm, nếu dùng phải dầu xấu hoặc pha dầu dừa, ngọn mờ mùi rất khó chịu.

Bản hiệu rất có cảm tình với các nhà tu hành, nên có tờ bả cáo này, bản hiệu chuyên buôn dầu lạc tốt nhất hạng, không có pha phách gì, dù nhà chùa đến mua một thùng bản hiệu cũng tính theo giá bán buôn. CHI FÁT CÔNG-TY

*Số 8, Phố Hàng Ngang — Hanoi*  
Kính bạch

*Nên đòi mua cho được dầu lạc có dấu hiệu Chi-Fát công-ti mới là dầu thật tốt, nhất hạng, nguyên chất*

---

### TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỠ

Mme Cấn-thị-Lạc, xã Cung-thuận, huyện Tùng-thiện Sơn tây, viên tịch ngày mồng 3 tháng 9 năm Canh-Thìn (1940)

Mme Nguyễn-thị-Thậm, xã Cung-thuận huyện Tùng-thiện, Sơn tây, viên tịch ngày 28 tháng giêng năm Tân-tý.

Mme Vũ-thị-Lục, xã Tương phiêu, huyện Tùng-thiện Sơn tây, viên tịch ngày 27 tháng 10 năm Kỷ mao

Mme Nguyễn-thị-Chúc, ở làng Trích sãi Huyện Hoà-long, Haidong viên tịch ngày 26-4-41.

Mme Nguyễn-thị-Tư, 30 Phố Hàng thiết, Hanoi, viên-tịch ngày 29-4-41

Nguyễn-văn-Phong hội viên chi hội Phật-giáo Cổ-Am Haiduong) tạ thế ngày 84-4-1941

Mme Vũ-thị-Đôn, hội viên chi hội Phật-giáo Cổ-Am (Haiduong) tạ thế ngày 25-5-1941

---

# HỘP THỎ

Phương danh các vị đã trả tiền  
báo Đ. T. bằng Mandats

M.M. Dương văn Hối, Thủ đầu một	1\$50
Trần quang Luật, Gia-định	1.50
Nguyễn văn Cư, Phủ Lạng-Thương	1.50
Nguyễn tổ Mỹ, Mọcay	5 00
Nguyễn văn Vĩnh, Hanoi	3 00
Đoàn văn Chiếu, Chợ Lách	1.50
Công-Chân, Hải dương	1.50
Trần quang Minh, Cai lậy Nam-kỳ	1,00
Nguyễn trọng Phủ, Bồng-Sơn Namkỳ	1.50
Nguyễn-gia-Tĩnh, Ninh-binh	1 50
Ngô văn Kiên, Saigon central	1 50
Phạm văn Tới, Gia định, Cochinchine	1.50
Nguyễn van Sết, Bạch-giã, Cochinchine	2 00

Các vị do M. Phạm văn Kim gửi trả:

Trần văn Hoàn, Tư khần, Nam định (147-226)	5 00
Trần văn Hoàn, Phú-vân, Nam-định (139-170)	2.00
Lưu Chỉ, Thượng trại, Nam-định (139-154)	1.00
Mme Bá Quán, Phú vân, Nam định (147-170)	1 50
Chánh-Nhạc, Phú vân Nam định (147-170)	1.50
Mlle. Nguyễn thị Tý, Phú vân, Nam-định (147-194)	3.00

M Trần văn Hoàn, Tư khần, Nam-định. Xin cảm ơn Ngài mới mua báo được vài tháng nay mà đã trả tiền trước hơn ba năm.

Mlle Nguyễn thị Tý, Phú vân, Nam-định. Xin cảm ơn Cô mới nhận được một kỳ báo mà đã trả tiền trước hai năm,

Bản báo xin cảm ơn các vị đã trả tiền Đ. T., và Ngài Phạm văn Kim đã tận-tâm vì đạo cố-động cho Đ. T. được nhiều độc-giả và thu tiền giúp Bản báo.

D. T.